



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - KHÓA 43
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)**

**NGÀNH: NGÀNH LUẬT HỌC
(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)**

**DLU DALAT
UNIVERSITY**

Địa chỉ: 01 Phù Đồng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại: (+84)633822246
Fax: (+84)633823380
Email: info@dlu.edu.vn
Website: www.dlu.edu.vn

Lâm Đồng – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
(ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO)
NGÀNH: LUẬT HỌC
(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 43)

Lâm Đồng - 2019

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập được thành lập theo quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không gian yên tĩnh trong khuôn viên 40 ha của trường là môi trường thuận lợi cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và xã hội - nhân văn; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyên giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trường đang được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng để trở thành Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học đầu tiên trong cả nước đào tạo theo hệ thống tín chỉ, năm 2015, tất cả chương trình đào tạo bậc thạc sĩ và đại học đã được xây dựng theo chuẩn đầu ra CDIO với thời gian đào tạo linh hoạt; tùy theo điều kiện của cá nhân, sinh viên có thể chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình. Thực hiện chủ trương quốc tế hóa, giảng dạy bằng tiếng Anh, các chương trình đào tạo hợp tác với nước ngoài, đổi mới phương pháp giảng dạy trong đó chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ, Nhà trường ưu tiên xét tuyển các thí sinh có trình độ tiếng Anh tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong tình hình mới. Tháng 3 năm 2017, Trường Đại học Đà Lạt đã chính thức trở thành thành viên thứ 124 của Hiệp hội CDIO quốc tế và là Trường Đại học thứ 4 của Việt Nam được gia nhập tổ chức này. Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt là một trong sáu tạp chí khoa học của Việt Nam được chỉ mục trong Hệ thống trích dẫn khoa học các quốc gia Đông Nam Á – ACI. Trường Đại học Đà Lạt là trường đại học công lập của Việt Nam được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2.0 theo quyết định số: 34/QĐ-TTKĐ của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Quốc gia Tp.HCM ngày 23 tháng 7 năm 2019. Tháng 4/2020, Trường Đại học Đà Lạt chính thức trở thành thành viên liên kết của AUN-QA. Trường Đại học Đà Lạt là thành viên của Nhà Xã hội trí tuệ nhân tạo (AIWS House). Là cơ sở để triển khai đào tạo về Big Data và trí tuệ nhân tạo.

Thành quả lao động của tập thể các nhà khoa học là Bộ chương trình đào tạo 33 chuyên ngành được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐH ngày .../.../20... của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt. Toàn bộ chương trình đào tạo được Trường công khai để tạo điều kiện cho người học chủ động lên kế hoạch học tập và tự học.

Sự đổi mới toàn diện về hệ thống chương trình đào tạo sẽ là cơ sở để Trường đổi mới toàn diện hệ thống giáo trình, học liệu và phương pháp giảng dạy với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra những “sản phẩm trí tuệ” chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước, xứng đáng là Trường đại học trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên.

Số:/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày ... tháng ... năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ
áp dụng chuẩn đầu ra CDIO

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012; Luật bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-ĐHDL ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 33 ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ áp dụng chuẩn đầu ra CDIO gồm **33** ngành đào tạo (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Giao cho Phòng Quản lý Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Khoa xây dựng Kế hoạch giảng dạy hằng năm căn cứ vào Bộ chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 43.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng Khoa, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để chỉ đạo*);
- Khoa (*để thực hiện*);
- VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH SÁCH 33 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
 ÁP DỤNG CHUẨN ĐẦU RA CDIO**

(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ-ĐHDL ngày .../.../2019)

TT	Ký hiệu Trường	Ngành tuyển sinh/ Website	Mã ngành
1	TDL	Toán học	7460101
2	TDL	Sư phạm Toán học	7140209
3	TDL	Sư phạm Tin học	7140210
4	TDL	Giáo dục tiểu học	7140202
5	TDL	Công nghệ Thông tin	7480201
6	TDL	Vật lý học	7440102
7	TDL	Sư phạm Vật lý	7140211
8	TDL	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302
9	TDL	Kỹ thuật hạt nhân	7520402
10	TDL	Hóa học	7440112
11	TDL	Sư phạm Hóa học	7140212
12	TDL	Sinh học	7420101
13	TDL	Sư phạm Sinh học	7140213
14	TDL	Khoa học Môi trường	7440301
15	TDL	Nông học	7620109
16	TDL	Công nghệ Sinh học	7420201
17	TDL	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104
18	TDL	Quản trị Kinh doanh	7340101
19	TDL	Kế toán	7340301
20	TDL	Luật	7380101
21	TDL	Xã hội học	7310301
22	TDL	Văn hoá học	7229040
23	TDL	Văn học	7229030
24	TDL	Sư phạm Ngữ văn	7140217
25	TDL	Lịch sử	7229010
26	TDL	Sư phạm Lịch sử	7140218
27	TDL	Việt Nam học	7310630
28	TDL	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
29	TDL	Công tác xã hội	7760101
30	TDL	Đông phương học	7310608
31	TDL	Quốc tế học	7310601
32	TDL	Ngôn ngữ Anh	7220201
33	TDL	Sư phạm Tiếng Anh	7140231

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	2
2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	3
3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	3
4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC.....	4
5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	6
6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3.....	7
7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	18
10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	26

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Ngành đào tạo:	LUẬT HỌC
Trình độ đào tạo:	Đại học (Cử nhân)
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Mã ngành đào tạo:	7380101
Thời gian đào tạo:	4 năm
Khối lượng kiến thức toàn khóa:	131 tín chỉ

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học đáp ứng hai nhóm mục tiêu đào tạo sau:

Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo hướng đến đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng sáng tạo và tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Đặc biệt, sau khi hoàn thành chương trình, người học có thể làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức khác và tự hành nghề hoặc học ở bậc cao hơn.

Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ ngành Luật học có thể:

- **M01:** Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kỹ năng thực hành nghề luật, có khả năng nghiên cứu, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và trách nhiệm công dân; sống và làm việc theo pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

• **M02:** Hiểu biết cơ bản về tin học, lịch sử, văn hoá, xã hội làm nền tảng cho nghiên cứu pháp luật; có kiến thức pháp luật, có kỹ năng áp dụng pháp luật hiệu quả; có kỹ năng chung sống, sử dụng ngoại ngữ, máy tính và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập, hành nghề, nghiên cứu và tự đào tạo bản thân.

• **M03:** Hiểu biết và vận dụng pháp luật phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

• **M04:** Có những kiến thức về Nhà nước và pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế; có thể áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, các loại hình tổ chức, doanh nghiệp và tự hành nghề;

• **M05:** Có tâm huyết với nghề luật, xây dựng và bảo vệ pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có khả năng phát triển thành nhà khoa học pháp lý góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có khả năng nghiên cứu, tiếp tục học ở các bậc học cao hơn;

• **M06:** Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh doanh - thương mại, pháp luật dân sự, pháp luật hành chính, pháp luật hình sự và pháp luật quốc tế.

Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội làm việc như sau:

• Làm việc trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương như: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;

• Làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các tổ chức khác;

• Làm việc trong các doanh nghiệp;

• Tự hành nghề

2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Đà Lạt.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, THANG ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ

chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014.

4. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO NĂNG LỰC

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật học bao gồm 11 chuẩn đầu ra trong đó 5 chuẩn đầu ra đầu tiên ứng với giáo dục đại cương và 6 chuẩn đầu ra còn lại ứng với giáo dục chuyên nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Luật học sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

Chuẩn đầu ra giáo dục đại cương

• C01: Phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và ý thức cá nhân

Trong lối sống và công việc thể hiện được phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân và đất nước, ý thức và trách nhiệm công dân, sự tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, ý thức về tầm quan trọng của sức khỏe.

• C02: Hiểu biết cơ bản về tin học, lịch sử, văn hoá, xã hội; hiểu biết về các kiến thức pháp luật chung làm nền tảng cho việc nghiên cứu, tiếp thu kiến thức pháp luật chuyên ngành

Có kiến thức cơ bản về tin học, lịch sử, văn hoá, xã hội làm cơ sở cho việc tích lũy và phát triển các kiến thức chuyên nghiệp về pháp luật. Đồng thời qua đó mở rộng hiểu biết về các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến luật học. Đồng thời, hiểu biết các kiến thức pháp luật chung để làm nền tảng cho việc tiếp thu, nghiên cứu các kiến thức pháp luật chuyên ngành.

• C03: Giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các nhóm chuyên môn và đa ngành

Có kỹ năng giao tiếp ở các dạng khác nhau như lắng nghe, đặt câu hỏi, hội thoại, viết, trình bày một chủ đề trước nhiều người nhằm tăng hiệu quả làm việc của cá nhân và nhóm. Đồng thời có kỹ năng làm việc hợp tác trong các nhóm có cùng chuyên môn hoặc đa ngành.

• C04: Kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ tương đương TOEIC 350 điểm

Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở các hình thức giao tiếp khác nhau bao gồm nghe, nói, đọc hiểu và viết ở trình độ tương đương TOEIC 350 điểm (hoặc TOEFL iBT 45 điểm, hoặc IELTS 4,5 điểm).

• C05: Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng vào các công việc giao tiếp, tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản, tính toán, trình bày và hỗ trợ chuyên môn

Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng như Word, Excel, Powerpoint, Gmail, ... vào các công việc giao tiếp đa phương tiện, tìm kiếm thông tin trên mạng Internet, soạn thảo các văn bản hành chính và học thuật, trình bày ở dạng trình chiếu, thực hiện các tính toán thông dụng và nâng cao phục vụ hiệu quả cho việc học tập, thực hành và nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra giáo dục chuyên nghiệp

• C06: Thể hiện các hành vi hợp pháp, có đạo đức và mang tính chuyên nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học phải thể hiện các hành vi hợp pháp, có đạo đức trong nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội; thực hiện hoạt động nghề nghiệp và các ứng xử mang tính chuyên nghiệp.

• C07: Có kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành

Có kiến thức chuyên môn toàn diện theo đúng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học năm 2012, gồm các khối kiến thức pháp luật kinh doanh - thương mại, pháp luật dân sự, pháp luật hành chính, pháp luật hình sự và pháp luật quốc tế.

• C08: Có kỹ năng thực hành nghề luật, có thể áp dụng pháp luật để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn

Có kỹ năng thực hành nghề luật cơ bản, áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn như tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, làm việc, nghiên cứu, giảng dạy...

• C09: Có thái độ nghiêm túc, đúng mực trong nghề nghiệp và giao tiếp xã hội

Trong thực hành nghề nghiệp cũng như giao tiếp, người học sau khi tốt nghiệp có thái độ nghiêm túc, ứng xử đúng mực, có tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân.

• C10: Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa

Có trách nhiệm thực hiện pháp luật, xây dựng và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, các hành vi vi phạm pháp luật.

• C11: Nâng cao quyền con người, quyền công dân và đảm bảo công bằng xã hội

Nâng cao, bảo vệ quyền con người và quyền công dân, có ý thức, thực hiện và bảo vệ công bằng xã hội.

5. ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu đào tạo					
		GD đại cương		GD chuyên nghiệp			
		1	2	3	4	5	6
Chuẩn đầu ra GD đại cương							
1	Phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và ý thức cá nhân	x					
2	Hiểu biết cơ bản về tin học, lịch sử, văn hoá, xã hội		x				
3	Giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các nhóm chuyên môn và đa ngành		x	x	x	x	x
4	Kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở trình độ tương đương TOEIC 350 điểm		x				
5	Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng vào các công việc giao tiếp, tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản, tính toán, trình bày và hỗ trợ chuyên môn		x				
Chuẩn đầu ra GD chuyên nghiệp							
6	Thể hiện các hành vi hợp pháp, có đạo đức và mang tính chuyên nghiệp	x		x	x	x	x
7	Có kiến thức chuyên môn về						x

	các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành						
8	Có kỹ năng thực hành nghề luật, có thể áp dụng pháp luật để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn			X	X	X	X
9	Có thái độ nghiêm túc, đúng mực trong nghề nghiệp và giao tiếp xã hội			X	X	X	X
10	Có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa			X	X	X	X
11	Nâng cao quyền con người, quyền công dân và đảm bảo công bằng xã hội			X	X	X	X

6. CHUẨN ĐẦU RA MÔ TẢ THEO KHUNG CDIO CẤP ĐỘ 3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật học được phân thành 4 nhóm bao gồm:

- Kiến thức và lập luận ngành.
- Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp.
- Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
- Năng lực thực hành chuyên môn/ngành nghề nghiệp.

Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Luật học sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra ứng với 4 nhóm trên như sau:

1. Kiến thức và lập luận ngành

1.1 Kiến thức giáo dục đại cương (Khoa học cơ bản; Nhà nước và pháp luật)

1.1.1 Có hiểu biết và ứng dụng kiến thức cơ bản về tin học để hỗ trợ soạn thảo văn bản và tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu pháp luật

1.1.2 Có khả năng giao tiếp, tham khảo tài liệu bằng tiếng nước ngoài để nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật nước ngoài cũng như giải quyết những vụ việc có yếu tố nước ngoài

1.1.3 Có hiểu biết về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng, chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, ... để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng

1.1.4 Có hiểu biết về nhà nước và pháp luật, Hiến pháp, các cơ quan trong bộ máy nhà nước; có khả năng phân tích các quy định pháp luật về những vấn đề này

1.1.5 Hiểu biết những vấn đề cơ bản về các hệ thuộc luật trên thế giới để nghiên cứu so sánh với pháp luật Việt Nam

1.1.6 Có hiểu biết và khả năng xây dựng văn bản pháp luật; phân tích, áp dụng và đàm phán, soạn thảo hợp đồng

1.1.7 Có hiểu biết, phân tích, tổng hợp, đánh giá và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo

1.1.8 Có hiểu biết những vấn đề cơ bản về pháp luật dân sự La Mã để nghiên cứu, liên hệ so sánh với pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành

1.2 Kiến thức cơ sở ngành

1.2.1 Hiểu biết, phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật kinh doanh thương mại để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.2.2 Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật hình sự để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.2.3 Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật dân sự, lao động và hôn nhân gia đình để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.2.4 Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật tài chính ngân hàng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.2.5 Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật hành chính để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.2.6 Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.2.7 Hiểu biết phân tích, đánh giá, tổng hợp và áp dụng các kiến thức về pháp luật đất đai, môi trường để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

1.3 Kiến thức ngành

Phần kiến thức bắt buộc

1.3.1 Hiểu biết các kiến thức pháp luật về tố tụng và thi hành án để nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vụ việc phát sinh

1.3.2 Nắm được thực tiễn áp dụng pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp để phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật và phục vụ nghề nghiệp

Phần kiến thức tự chọn

1.3.3 Vận dụng các kiến thức đã học trong chương trình đào tạo để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn cuộc sống

1.3.4 Nắm vững chuyên sâu các kiến thức pháp lý chuyên ngành để áp dụng trong thực tiễn

1.4 Kiến thức bổ trợ

Phần kiến thức tự chọn

1.4.1 Có khả năng nắm vững các kiến thức bổ trợ cho nghề luật để tăng cường khả năng áp dụng trong thực tiễn

1.4.2 Nắm vững các kiến thức bổ trợ cho việc nghiên cứu pháp luật chuyên ngành để tăng cường khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp hỗ trợ cho việc nghiên cứu pháp luật chuyên ngành

1.4.3 Nắm vững các kiến thức pháp luật đặc thù để hỗ trợ cho việc áp dụng pháp luật

2. Các kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp

2.1 Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác

2.1.1 Phẩm chất chính trị, đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội

2.1.2 Ý thức phục vụ nhân dân, đất nước

2.1.3 Ý thức, trách nhiệm công dân, xã hội

2.1.4 Tôn trọng luật pháp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

2.1.5 Hành xử chuyên nghiệp

2.1.6 Chủ động cho tương lai và dự kiến cho cuộc đời

2.1.7 Cập nhật các quy định của pháp luật

2.1.8 Công bằng và đa dạng

2.1.9 Tin tưởng và trung thành

2.2 Thái độ, tư tưởng và học tập

- 2.2.1 Sáng kiến, sẵn sàng ra quyết định và chấp nhận rủi ro
- 2.2.2 Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt
- 2.2.3 Tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức
- 2.2.4 Học tập và rèn luyện suốt đời
- 2.2.5 Tự chăm sóc bản thân để thực hành nghề hiệu quả
- 2.2.6 Quản lý thời gian và nguồn lực

2.3 Tư duy hệ thống và phản biện

- 2.3.1 Tư duy toàn cục
- 2.3.2 Sự nảy sinh và tương tác trong hệ thống
- 2.3.3 Xác định ưu tiên và tập trung
- 2.3.4 Dung hòa, đánh giá và cân bằng trong giải quyết
- 2.3.5 Tư duy phản biện

2.4 Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề

- 2.4.1 Xác định và hình thành vấn đề
- 2.4.2 Mô hình hóa
- 2.4.3 Ước lượng và phân tích định tính
- 2.4.4 Phân tích các yếu tố bất định
- 2.4.5 Giải pháp và khuyến nghị

2.5 Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức pháp luật

- 2.5.1 Hình thành giả thuyết
- 2.5.2 Khảo sát qua tài liệu in và thông tin điện tử
- 2.5.3 Nghiên cứu dùng các phương pháp định lượng và định tính
- 2.5.4 Kiểm tra và bảo vệ giả thuyết
- 2.5.5 Khám phá và hình thành lý thuyết

2.6 Thực hành dựa trên nghiên cứu và nghiên cứu dựa trên thực hành

- 2.6.1 Sử dụng các bằng chứng nghiên cứu làm cơ sở cho việc thực hành
- 2.6.2 Sử dụng các kinh nghiệm thực hành làm cơ sở hình thành nghiên cứu

2.7 Kỹ năng thực hành nghề luật

2.7.1 Kỹ năng tư vấn luật

2.7.2 Kỹ năng giải quyết tranh chấp

2.7.3 Kỹ năng xác định vụ việc

2.7.4 Kỹ năng áp dụng pháp luật

2.7.5 Các kỹ năng khác....

3. Các kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

3.1 Làm việc nhóm

3.1.1 Hình thành nhóm

3.1.2 Hoạt động nhóm

3.1.3 Phát triển nhóm

3.1.4 Lãnh đạo nhóm

3.1.5 Làm việc trong nhóm chuyên môn và nhóm đa ngành

3.2 Giao tiếp

3.2.1 Chiến lược giao tiếp

3.2.2 Cấu trúc giao tiếp

3.2.3 Giao tiếp thông qua đặt câu hỏi, lắng nghe và đối thoại

3.2.4 Giao tiếp bằng văn bản và đồ họa

3.2.5 Giao tiếp điện tử/đa phương tiện

3.2.6 Thuyết trình

3.2.7 Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột

3.2.8 Vận động

3.2.9 Thiết lập các liên kết và mạng đa dạng

3.3 Giao tiếp bằng ngoại ngữ

3.3.1 Giao tiếp bằng tiếng Anh

3.3.2 Giao tiếp bằng ngôn ngữ chuyên ngành luật

4. Năng lực thực hành chuyên môn/ngành nghề nghiệp

4.1 Bối cảnh môi trường, quốc gia và thế giới

4.1.1 Vai trò và trách nhiệm của cử nhân luật đối với xã hội

4.1.2 Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

4.1.3 Áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh

4.1.4 Là cầu nối cho quá trình hội nhập quốc tế

4.2 Bối cảnh nghề nghiệp

4.2.1 Tôn trọng các quy định pháp luật

4.2.2 Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

4.2.3 Tôn trọng sự thỏa thuận của các chủ thể trong quan hệ pháp luật

4.2.4 Có khả năng áp dụng pháp luật để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất

4.2.5 Làm việc trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và tự hành nghề

4.2.6 Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề luật

4.3 Triết lý, giá trị, đạo đức và nguyên tắc nghề luật

4.3.1 Áp dụng pháp luật có hiệu quả, phù hợp với những giá trị của xã hội

4.3.2 Trách nhiệm xây dựng và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhà nước pháp quyền Việt Nam

4.3.3 Tôn trọng quyền con người, quyền công dân, hướng đến các giá trị công bằng xã hội

4.4 Thiết kế áp dụng

4.4.1 Phù hợp, có hiệu quả, thống nhất trong áp dụng

4.4.2 Đảm bảo các kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn có ảnh hưởng đến kiến thức pháp luật

4.4.3 Đảm bảo hiểu biết và khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ phục vụ cho thực hành nghề nghiệp.

4.4.4 Đảm bảo cân đối các kiến thức bắt buộc và tự chọn; kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành; lý thuyết và thực hành

4.4.5 Đảm bảo cân đối giữa các kiến thức chuyên ngành hẹp

4.4.6 Đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo cử nhân luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước

4.4.7 Đảm bảo thiết kế bền vững và các mục tiêu khác.

7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Luật học được thiết kế với khối lượng toàn khóa là 131 tín chỉ (không tính số tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Cấu trúc các khối kiến thức cấu tạo nên chương trình đào tạo ngành Luật học và khối lượng tín chỉ được phân bố cho các khối kiến thức như sau:

Các khối kiến thức		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
A - Kiến thức giáo dục đại cương		34	26	8
A1	Lý luận chính trị	11	11	0
A2	Giáo dục thể chất	(3)	(3)	(0)
A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)	(8.5)	(0)
A4	Khoa học xã hội và nhân văn	23	15	8
B - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97	73	24
B1	Kiến thức cơ sở	55	55	0
B1	Kiến thức ngành	34	18	16
B3	Kiến thức bổ trợ	8	0	8
Tổng cộng		131	99	32

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương (34 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
	Phần kiến thức bắt buộc		26	23	3
	A1	Lý luận chính trị	11	11	0

1	LC1101	Triết học Mác - Lênin (Marxist-Leninist Philosophy)	3	3	0
2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist-Leninist Political Economy)	2	2	0
3	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	2	0
4	LC2102	Tư Tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)	2	2	0
5	LC3101	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Vietnamese Communist Party History)	2	2	0
	A2	Giáo dục thể chất	(3)		
6	TC1001	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	0	1
7	TC1002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	0	1
8	TC2003	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	0	1
	A3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(8.5)		
9	QP2001	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (National Defense and Security Education 1)	(2)	2	0
10	QP2002	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (National Defense and Security Education 2)	(2)	2	0
11	QP2003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 (National Defense and Security Education 3)	(3)	1	2
12	QP2004	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 (National Defense and Security Education 4)	(1.5)	1	0.5
	A4	KH xã hội và nhân văn	15	12	3
13	LH1001	Lý luận về nhà nước (Theory of state)	2	2	0
14	LH1004	Lý luận về pháp luật (Theory of law)	3	2	1

15	LH1005	Luật Hiến pháp 1 (Constitutional law 1)	3	2	1
16	LH1006	Luật Hiến pháp 2 (Constitutional law 2)	3	2	1
17	LH1008	Xây dựng văn bản pháp luật (Construction documents)	2	2	0
18	LH1009	Luật học so sánh (Comparative law)	2	2	0
Phần kiến thức tự chọn			8	10	0
	A4	KH xã hội và nhân văn	8		
<i>Chọn ít nhất 8 tín chỉ trong danh sách sau</i>					
19	LH2005	Luật Dân sự La Mã (Roman civil law)	2	2	0
20	LH2004	Pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Law on inspection, settlement of complaints and denunciations)	2	2	0
21	LH2006	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng (Skills of negotiation and contract draw-up)	2	2	0
22	LH1104	Lịch sử văn minh Thế giới (World civilization history)	2	2	0
23	LH1105	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam (History of Viet Nam's State and Law)	2	2	0
24	LH1106	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới (History of world's State and Law)	2	2	0
25	LH1107	Logic học đại cương (Introduction to Logics)	2	2	0
26	LH1108	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodologies)	2	2	0
27	LH1109	Xã hội học đại cương (General society study)	2	2	0

28	LH1203	Tâm lý học đại cương (Introduction to psychology)	2	2	0
29	LH1204	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnam cultural facilities)	2	2	0

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (97 tín chỉ)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
Phần kiến thức bắt buộc			73	50	23
	B1	Kiến thức cơ sở	55	39	16
1	LH1103	Luật Hành chính (Administrative law)	4	3	1
2	LH1102	Luật Môi trường (Environmental law)	3	2	1
3	LH2101	Luật Dân sự 1 (Civil law 1)	3	2	1
4	LH2204	Luật Dân sự 2 (Civil law 2)	4	3	1
5	LH2103	Luật Thương mại 1 (Commercial law 1)	3	2	1
6	LH2109	Luật Hình sự 1 (Criminal law 1)	4	3	1
7	LH2105	Luật Lao động (Labour law)	3	2	1
8	LH2205	Luật Hình sự 2 (Criminal law 2)	4	3	1
9	LH2107	Luật Đất đai (Land law)	3	2	1
10	LH2203	Luật Hôn nhân và Gia đình (Law of Marriage and family)	2	2	0
11	LH3101	Công pháp quốc tế 1 (International public law 1)	3	2	1
12	LH3102	Công pháp quốc tế 2 (International public law 2)	3	2	1
13	LH3103	Tư pháp quốc tế 1 (International private law 1)	3	2	1
14	LH3104	Tư pháp quốc tế 2 (International private law 2)	3	2	1

15	LH3107	Luật Thương mại 2 (Comercial law 2)	4	3	1
16	LH3106	Luật Ngân hàng (Banking law)	3	2	1
17	LH4101	Luật Tài chính công (Financial law)	3	2	1
	B2	Kiến thức ngành	18	11	7
18	LH3201	Luật Tố tụng dân sự (Civil procedure law)	3	2	1
19	LH3304	Luật Tố tụng hình sự (Criminal law)	4	3	1
20	LH4205	Luật Tố tụng hành chính (Administrative procedure law)	3	2	1
21	LH3501	Thực tập nghề nghiệp (Practicing career)	4	0	4
23	LH1202	Quyền con người (Human rights)	2	2	0
24	LH3208	Luật thương mại quốc tế (International trade law)	2	2	0
	Phần kiến thức tự chọn		24		
	B2	Kiến thức ngành	16		
		<i>Chọn ít nhất 16 tín chỉ trong danh sách sau</i>			
25	LH2206	Kỹ thuật lập pháp (Legislative techniques)	2	2	0
26	LH2207	Luật Sở hữu trí tuệ (Law on Intellectual property)	2	2	0
27	LH3209	Pháp luật kinh doanh bất động sản (Laws on real estate business)	2	2	0
28	LH3308	Luật kinh doanh bảo hiểm (Insurance business law)	2	2	0
29	LH3309	Pháp luật cạnh tranh chống độc quyền (Competition and antitrust laws)	2	2	0
30	LH4205	Tội phạm học (Criminology)	2	2	0

31	LH4208	Luật thi hành án hình sự (Criminal enforcement law)	2	2	0
32	LH4206	Luật thi hành án dân sự (Law on enforcement of Civilian judgments)	2	2	0
33	LH4207	Tập quán thương mại và thanh toán quốc tế (Incoterms and payments of international sale of goods)	2	2	0
34	LH4502	Chuyên đề tốt nghiệp (Graduate seminars)	5	0	5
35	LH4503	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	7	0	7
	B3	Kiến thức bổ trợ	8		
		<i>Chọn ít nhất 8 tín chỉ trong danh sách sau</i>			
36	LH1302	Pháp luật du lịch (Tourism law)	2	2	0
37	LH3305	Pháp luật thị trường chứng khoán (Legislation on securities)	2	2	0
38	LH3306	Luật tục (Triple law)	2	2	0
39	LH3307	Quản lý Nhà nước về lâm nghiệp (State management on forestry)	2	2	0
40	LH4305	Nghề Luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật (Law profession and legal consultancy activities)	2	2	0
41	LH4306	Nghiệp vụ thư ký Tòa án (Court clerk's profession)	2	2	0
42	LH4304	Luật Đầu tư (Investment Law)	2	2	0

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

9.1. Sự phối hợp giữa giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
------	------	------	------	------	------	------	------

Kiến thức GD đại cương						
Kiến thức GD chuyên nghiệp						
					Thực tập nghề nghiệp	Thực tập TN
						Khóa luận

9.2. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

HỌC KỲ 1						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			14			
1	TC1001	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	(1)	(0)	(1)	
2	LC1101	Triết học Mác - Lênin (Marxist-Leninist Philosophy)	3	3	0	
3	LH1009	Luật học so sánh (Comparative law)	2	2	0	
4	LH1001	Lý luận về nhà nước (Theory of state)	2	2	0	
5	LH1004	Lý luận về pháp luật (Theory of law)	3	2	1	
6	LH1005	Luật Hiến pháp 1 (Constitutional law I)	3	2	1	
Tổng số			13			

HỌC KỲ 2						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần bắt buộc</i>			14			
1	TC1002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	(1)	(0)	(1)	

2	LC1102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist-Leninist Political Economy)	2	2	0	
3	LH1006	Luật Hiến pháp 2 (Constitutional law II)	3	2	1	
4	LH1103	Luật Hành chính (Administrative law)	4	3	1	
5	LH1102	Luật Môi trường (Environmental law)	3	2	1	
6	LH1008	Xây dựng văn bản pháp luật (Construction documents)	2	2	0	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			2			
7	LH1204	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnam cultural facilities)	2	2	0	
8	LH1302	Pháp luật du lịch (Tourism law)	2	2	0	
9	LH1104	Lịch sử văn minh Thế giới (World civilization history)	2	2	0	
10	LH1105	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam (History of Viet Nam's State and Law)	2	2	0	
Tổng số			16			

HỌC KỲ 3						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			16			
1	TC2003	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	(1)	(0)	(1)	
2	LC2101	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	2	0	
3	LH2101	Luật Dân sự 1 (Civil law I)	3	2	1	

HỌC KỲ 3						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
4	LH2109	Luật Hình sự 1 (Criminal law I)	4	3	1	
5	LH2107	Luật Đất đai (Land law)	3	2	1	
6	LH2203	Luật Hôn nhân và Gia đình (Marriage and family law)	2	2	0	
7	LH1202	Quyền con người (Human rights)	2	2	0	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			2			
8	LH2005	Luật Dân sự La Mã (Roman civil law)	2	2	0	
9	LH2004	Pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Law on inspection, settlement of complaints and denunciations)	2	2	0	
10	LH1106	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới (History of world's State and Law)	2	2	0	
Tổng số			18			

HỌC KỲ 4						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			16			
1	LC2102	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Vietnamese Communist Party History)	2	2	0	
2	QP2001	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (National Defense and Security Education 1)	(2)	2	0	

3	QP2002	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (National Defense and Security Education 2)	(2)	2	0	
4	QP2003	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 (National Defense and Security Education 3)	(3)	1	2	
5	QP2004	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 (National Defense and Security Education 4)	(1.5)	1	0.5	
6	LH2204	Luật Dân sự 2 (Civil law II)	4	3	1	
7	LH2103	Luật Thương mại 1 (Comercial law 1)	3	2	1	
8	LH2105	Luật Lao động (Labour law)	3	2	1	
9	LH2205	Luật Hình sự 2 (Criminal law II)	4	3	1	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			4			
10	LH2206	Kỹ thuật lập pháp (Legislative)	2	2	0	
11	LH1107	Logic học đại cương (Introduction to logics)	2	2	0	
12	LH1108	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodologies)	2	2	0	
13	LH2006	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng (Skills of negotiation and contract draw-up)	2	2	0	
Tổng số			20			

HỌC KỲ 5						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số	LT	TH	Ghi chú

			TC			
Các học phần bắt buộc			17			
1	LH3101	Công pháp quốc tế 1 (International public law 1)	3	2	1	
2	LH3103	Tư pháp quốc tế 1 (Private international 1)	3	2	1	
3	LH3107	Luật Thương mại 2 (Comercial law 2)	4	3	1	
4	LH3106	Luật Ngân hàng (Banking law)	3	2	1	
5	LH3208	Luật thương mại quốc tế (International trade law)	2	2	0	
6	LC3101	Tư tưởng Hồ Chí Minh (HoChiMinh thought)	2	2	0	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			4			
6	LH3209	Pháp luật kinh doanh bất động sản (Laws on real estate business)	2	2	0	
7	LH1109	Xã hội học đại cương (General society study)	2	2	0	
8	LH1203	Tâm lý học đại cương	2	2	0	
9	LH2207	Luật Sở hữu trí tuệ (Intellectual property)	2	2	0	
Tổng số			21			

HỌC KỲ 6						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			17			
1	LH3104	Tư pháp quốc tế 2 (Private international	3	2	1	

		2)				
2	LH3102	Công pháp quốc tế 2 (International public law 2)	3	2	1	
5	LH3201	Luật Tố tụng dân sự (Civil proceedings)	3	2	1	
4	LH3501	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	
4	LH3304	Luật Tố tụng hình sự (Criminal law)	4	3	1	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			6			
6	LH3303	Pháp luật thị trường chứng khoán (Legislation on securities)	2	2	0	
7	LH3306	Luật tục (Triple law)	2	2	0	
8	LH3307	Quản lý Nhà nước về lâm nghiệp (State management on forestry)	2	2	0	
9	LH3308	Luật kinh doanh bảo hiểm (Insurance business law)	2	2	0	
Tổng số			23			

HỌC KỲ 7						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
Các học phần bắt buộc			6			
1	LH4101	Luật Tài chính công (Financial law)	3	2	1	
2	LH4205	Luật Tố tụng hành chính (Administrative procedure law)	3	2	1	
Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)			7			
3	LH4205	Tội phạm học (Criminology)	2	2	0	

4	LH4206	Luật thi hành án dân sự (Civilian law enforcement)	2	2	0	
5	LH4208	Luật thi hành án hình sự (Criminal enforcement law)	2	2	0	
6	LH4306	Nghiệp vụ thư ký Tòa án (Court clerk's profession)	2	2	0	
7	LH4305	Nghề Luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật (Law profession and legal consultancy activities)	2	2	0	
8	LH3309	Pháp luật cạnh tranh chống độc quyền (Competition and antitrust laws)	2	2	0	
Tổng số			13			

HỌC KỲ 8						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Ghi chú
<i>Các học phần tự chọn (chọn trong danh sách sau)</i>			7			
2	LH4304	Luật Đầu tư (Investment Law)	2	2	0	
3	LH4207	Tập quán thương mại và thanh toán quốc tế (Incoterms and payments of international sale of goods)	2	2	0	
4	LH4502	Chuyên đề tốt nghiệp (Graduate seminars)	5	0	5	
5	LH4503	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	7	0	7	
Tổng số			7			

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo ngành Luật học được xây dựng dựa trên Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2014, các chương trình đào tạo ngành Luật học trong nước và quốc tế. Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 4 năm và thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ.

Nội dung chương trình bao gồm phần kiến thức Giáo dục đại cương và phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tổng cộng cho toàn bộ chương trình không tính phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng là 131 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 99 tín chỉ và số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn là 32 tín chỉ.

Trong phần kiến thức Giáo dục đại cương, sinh viên được học các học phần về Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định chung của Nhà trường. Bên cạnh đó sinh viên còn được học các học phần Ngoại ngữ, Tin học và một số học phần chọn lọc khác trong Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trong phần kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, ở phần kiến thức cơ sở sinh viên được trang bị các học phần lý luận nền tảng về Luật học, ở phần kiến thức ngành sinh viên được trang bị các học phần liên quan đến thực hành Luật học. Phần tự chọn trong kiến thức ngành khá phong phú, sinh viên có thể chọn lựa những học phần mà mình quan tâm và yêu thích. Đó có thể là những học phần đi sâu vào các ngành Luật chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau như pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật kinh tế, pháp luật hành chính, pháp luật quốc tế.

Cuối cùng ở phần kiến thức bổ trợ, sinh viên được trang bị thêm một số học phần mang tính đặc thù địa phương như Pháp luật du lịch, Quản lý nhà nước về lâm nghiệp; bên cạnh đó còn có những học phần mang tính thực hành nghề nghiệp như Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật, Nghiệp vụ thư ký Tòa án,...

Trong quá trình học tập, bên cạnh việc học các học phần tại trường sinh viên cần phải hoàn thành học phần Thực tập nghề nghiệp. Học phần này cung cấp cơ hội cho sinh viên áp dụng những gì mình đã học vào trong thực tế, qua đó góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp Luật học. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ nhận được sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của các giảng viên hướng dẫn thực tập.

Đối với những sinh viên có học lực khá, giỏi có thể chọn học phần Khóa luận. Với học phần này, sinh viên có cơ hội thực hành nghiên cứu Luật học với một quy mô và phạm vi vừa phải, phù hợp ở mức độ Cử nhân, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của một giảng viên được phân công. Thông qua việc làm Khóa luận, sinh viên phát triển được

khả năng tư duy phân tích, tổng hợp cũng như các kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Nếu không chọn học phần Khóa luận, sinh viên có thể chọn học phần Chuyên đề tốt nghiệp có cùng số tín chỉ. Với học phần này, sinh viên phải thực tập tại một cơ quan thực hành nghề luật, viết báo cáo chuyên đề trên cơ sở hướng dẫn của cán bộ nơi thực tập và giảng viên được phân công.

Chương trình đào tạo ngành Luật học được thiết kế theo phương pháp xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra, đồng thời theo hướng cân đối giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng phát triển hài hòa cả ba mặt gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Qua đó chương trình khi được thực hiện sẽ giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp mà xã hội yêu cầu. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học.

Về điều kiện tốt nghiệp, sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Luật học sau khi tích lũy đủ 131 tín chỉ, trong đó tích lũy đầy đủ số tín chỉ cho các học phần từ các khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp, và có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

TRƯỞNG KHOA